

**BẢN SAO**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2017



---

Hà Nội, tháng 02 năm 2018

## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc thú y Trung ương 1 (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2017 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch bổ nhiệm ngày 27/10/2017
Bà Nguyễn Thị Hương	Chủ tịch từ ngày 13/05/2017 đến ngày 27/10/2017
	Thành viên bổ nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Lê Đức Liên	Chủ tịch miễn nhiệm ngày 13/05/2017
Bà Phạm Thị Thu Anh	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Đặng Văn Dũng	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Lê Văn Năm	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Trần Hồng Quỳnh	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Lê Anh Tuấn	Thành viên bổ nhiệm ngày 27/10/2017

#### Ban Giám đốc

Ông Lê Đức Liên	Giám đốc
Ông Lê Anh Tuấn	Miễn nhiệm ngày 01/01/2018
Ông Phạm Xuân Báo	Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng
Ông Lê Hữu Tuấn	Giám đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

#### Ban kiểm soát

Ông Đặng Tiếp	Trưởng ban
Ông Nguyễn Cảnh Thanh	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Bà Đinh Thị Xuân Phúc	Thành viên miễn nhiệm ngày 27/10/2017
Bà Hoàng Thị Sáng	Thành viên bổ nhiệm ngày 27/10/2017
Ông Trần Hồng Quỳnh	Thành viên bổ nhiệm ngày 27/10/2017

#### Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Thu Hưng	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
	Miễn nhiệm ngày 01/01/2018
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Bổ nhiệm ngày 01/01/2018
Bà Nguyễn Thị Phương	Miễn nhiệm ngày 01/11/2017



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính, có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

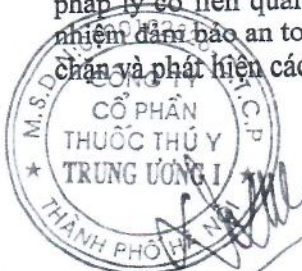
### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Lê Đức Liên

Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày: 04-04-2018

Số CT: 423 ..... Quyển số: 01 SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN

Trịnh Như Tô



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28 tháng 02 năm 2018, từ trang 7 đến trang 34 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty.

Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến thời điểm kết thúc cuộc kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các thư xác nhận phải trả khách hàng, người mua trả tiền trước ngắn hạn, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn, phải trả ngắn hạn khác. Các thủ tục kiểm toán thay thế không đủ cơ sở để chúng tôi đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục này trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017. Chi tiết như sau:

	Số liệu sổ sách	Số xác nhận	Tỷ lệ xác nhận
<b>Tại Văn phòng Công ty</b>			
Phải trả cho người bán	51.407.609.353	0	0%
Người mua trả trước	5.011.990.838	0	0%
Phải trả ngắn hạn khác	1.762.860.599	0	0%
Vay dài hạn	114.080.585.100	0	0%
<b>Tại Chi nhánh Đà Nẵng</b>			
Người mua trả tiền trước	530.069.150	0	0%
Phải trả ngắn hạn khác	158.520.933	0	0%
<b>Tại Chi nhánh HCM</b>			
Người mua trả tiền trước	30.756.336	0	0%
Phải trả ngắn hạn khác	3.139.865.632	0	0%
Vay ngắn hạn	720.000.000	0	0%

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Chúng tôi muốn lưu ý người đọc một số vấn đề sau:

- Tại Thuyết minh số 16.1 Khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 166.273.730.338 đồng đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 83.117.942.247 đồng, và theo đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty tại thuyết minh số 13 Công ty đang mất khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.
- Tại Thuyết minh số 16.1 Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017 khoản lỗ của hai chi nhánh Hồ Chí Minh và Đà Nẵng lần lượt là 14.300.565.047 đồng và 4.193.724.409 đồng, và tại thuyết minh số 22 trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 toàn bộ Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh của Chi nhánh Đà Nẵng là 597.814.546 đồng và Chi nhánh Hồ Chí Minh là 2.230.332.243 đồng chưa có phê duyệt của Chủ tịch HĐQT theo chỉ thị số 105-2017/NQ-HĐQT ban hành ngày 17/11/2017, toàn bộ chứng từ kế toán trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 chưa có chữ ký của Kế toán trưởng và Giám đốc của hai chi nhánh. Trong các giai đoạn này có sự bàn giao giữa Ban lãnh đạo các Chi nhánh, Ban lãnh đạo cũ không báo cáo cho Ban lãnh đạo mới về các chi phí phát sinh dẫn đến các khoản lỗ này. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



*Handwritten signature*

---

**Nguyễn Minh Long**  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 0666-2018-112-1  
Thay mặt và đại diện cho  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**  
Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

---

**Mai Việt Hùng**  
Kiểm toán viên  
Giấy ĐKHN Kiểm toán số 2334-2018-112-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>83.579.500.320</b>	<b>131.781.180.342</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.417.544.975	5.759.777.440
Tiền	111		5.417.544.975	5.759.777.440
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		74.227.625.159	112.509.419.203
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	56.863.832.555	62.196.258.964
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.641.197.936	5.263.923.707
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	21.714.822.882	45.028.519.325
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7,8	(6.992.228.214)	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	20.717.207
Hàng tồn kho	140		3.469.075.253	11.242.013.522
Hàng tồn kho	141	5	4.052.358.175	11.242.013.522
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	5	(583.282.922)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		465.254.933	2.269.970.177
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	6	12.939.431	781.028.653
Thuế GTGT được khấu trừ	152		452.315.502	1.422.571.402
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	-	66.370.122
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>62.821.737.698</b>	<b>63.451.252.158</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		120.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	8	120.000.000	-
Tài sản cố định	220		10.105.952.276	9.364.452.545
Tài sản cố định hữu hình	221	9	8.576.616.899	7.511.530.545
- Nguyên giá	222		20.276.377.116	19.611.917.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.699.760.217)	(12.100.386.941)
Tài sản cố định vô hình	227		1.529.335.377	1.852.922.000
- Nguyên giá	228		1.588.835.377	1.912.422.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.500.000)	(59.500.000)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	10	51.787.177.628	53.763.715.613
Đầu tư vào công ty con	251		49.977.375.613	49.977.375.613
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		3.786.340.000	3.786.340.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.976.537.985)	-
Tài sản dài hạn khác	260		808.607.794	323.084.000
Chi phí trả trước dài hạn	261	6	808.607.794	323.084.000
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>146.401.238.018</b>	<b>195.232.432.500</b>



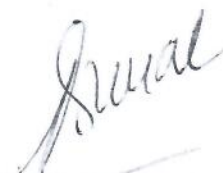
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

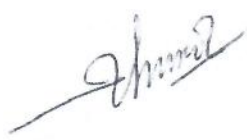
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>229.519.180.265</b>	<b>228.294.363.368</b>
Nợ ngắn hạn	310		115.438.595.165	140.343.311.318
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	60.196.212.174	81.994.765.619
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.572.816.324	4.495.393.216
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	3.808.413.145	1.771.377.826
Phải trả người lao động	314		1.573.704.587	1.247.429.085
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	2.607.487.558	6.365.747.950
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		120.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	6.048.875.768	4.662.871.017
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	13	35.510.551.010	39.805.192.006
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		534.599	534.599
Nợ dài hạn	330		114.080.585.100	87.951.052.050
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	13	114.080.585.100	87.951.052.050
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(83.117.942.247)</b>	<b>(33.061.930.868)</b>
Vốn chủ sở hữu	410	16	(83.117.942.247)	(33.061.930.868)
Vốn góp của chủ sở hữu	411		82.500.000.000	82.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		82.500.000.000	82.500.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		278.962.752	278.962.752
Cổ phiếu quỹ	415		(130.000)	(130.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		376.955.339	376.955.339
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(166.273.730.338)	(116.217.718.959)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(115.544.629.513)	(116.217.718.959)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		(50.729.100.825)	-
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>146.401.238.018</b>	<b>195.232.432.500</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018  
Giám đốc

  
Nguyễn Thị Phụng

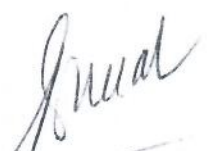
  
Nguyễn Thị Thu Hà

Lê Đức Liên


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	131.675.546.116	193.812.608.003
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	316.459.586	235.499.520
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		131.359.086.530	193.577.108.483
Giá vốn hàng bán	11	19	101.584.668.952	172.689.074.259
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.774.417.578	20.888.034.224
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	1.310.020.161	4.105.059.141
Chi phí tài chính	22	21	21.323.361.836	7.291.653.034
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		19.306.141.313	3.809.206.576
Chi phí bán hàng	25	22	30.434.799.571	20.521.886.173
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	22	22.318.984.273	20.890.939.383
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.992.707.941)	(23.711.385.225)
Thu nhập khác	31	23	6.073.025.029	-
Chi phí khác	32	24	4.579.998.174	996.960.649
Lợi nhuận khác	40		1.493.026.855	(996.960.649)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(41.499.681.086)	(24.708.345.874)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.155.392.438	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(42.655.073.525)	(24.708.345.874)

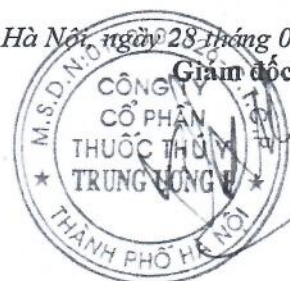
Người lập biểu

  
Nguyễn Thị Phượng

Kế toán trưởng

  
Nguyễn Thị Thu Hà

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018



Lê Đức Liên



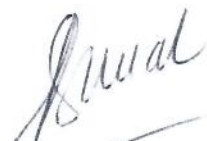
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017


Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
			VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		170.785.240.023	171.762.864.796
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(145.812.922.187)	(26.772.535.569)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(5.477.483.568)	(16.227.553.073)
Tiền lãi vay đã trả	4		(5.439.108.100)	(4.454.365.388)
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		(1.023.291.396)	(55.124.356)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		23.123.120.204	49.075.462.089
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(46.412.621.635)	(146.723.967.724)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(10.257.066.659)</b>	<b>26.604.780.775</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(581.568.164)	(72.449.400)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.300.000.000	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		221.152.354	33.786.206
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>5.939.584.190</b>	<b>4.961.336.806</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ đi vay	33		121.062.906.344	124.454.601.884
Tiền trả nợ gốc vay	34		(117.087.656.340)	(155.052.589.639)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>3.975.250.004</b>	<b>(30.597.987.755)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(342.232.465)</b>	<b>968.129.826</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	5.759.777.440	4.816.295.077
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(24.647.463)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>5.417.544.975</b>	<b>5.759.777.440</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

  
Nguyễn Thị Phương

  
Nguyễn Thị Thu Hà



Lê Đức Liên

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển từ Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần lần đầu số 0100102326 ngày 7/6/2000, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 06/11/2017 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Công ty có các Văn phòng trực thuộc sau:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 tại Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có 1 Công ty con sở hữu 100% vốn là Công ty TNHH Thuốc thú y trung ương 1, địa chỉ tại: Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là 82.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng./.*), được chia thành 8.250.000 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH**

*Ngành nghề kinh doanh theo đăng ký của Công ty bao gồm:*

- Sản xuất, gia công thuốc thú y thủy sản
- Sản xuất, gia công thuốc thú y
- Khai thác thủy sản biển
- Khai thác thủy sản nội địa
- Nuôi trồng thủy sản biển
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Sản xuất giống thủy sản
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Kinh doanh thực phẩm chức năng
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ chở xuống)
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn đồ uống
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng chuyên doanh
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
- Lữ hành nội địa



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)**

- Kinh doanh khách sạn (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Cho thuê văn phòng
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa
- Dịch vụ thương mại
- Nghiên cứu đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh thuốc thú y và vật tư thú y (Có chứng chỉ hành nghề thuốc thú y số 22/TY-CCHN ngày 19/5/2000 của Cục thú y cấp cho ông Lê Văn Năm - Thành viên HĐQT Công ty)
- Hoạt động thủy sản
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh
- Các dịch vụ phục vụ khách du lịch (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Kinh doanh nhà hàng (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thuốc và vật tư thú y.

*Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong kỳ là:*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thuốc và vật tư thú y
- Cho thuê kho, mặt bằng kinh doanh.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi thông tư 200) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá gốc và dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

**3.4 HÀNG TỒN KHO**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
- Máy móc, thiết bị	05 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 15

**3.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời không quá 3 năm. Các chi phí đã chi trước cho hoạt động kinh doanh nhưng liên quan đến việc tạo ra doanh thu của nhiều năm tại chính Công ty ghi nhận là các khoản chi phí trả trước và tiến hành phân bổ tương ứng với số năm khai thác được doanh thu.

**3.7 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ;
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.

**3.8 GHI NHẬN DOANH THU**

*Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, các bên liên quan của Công ty là bao gồm các cổ đông góp vốn, các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong kỳ được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

**3.10 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản đầu tư, phải thu khách hàng, phải thu khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi tiết tiền mặt tại các đơn vị	431.694.356	2.750.681.186
- Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1	28.217.491	12.148.594
- Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại Đà Nẵng	79.868.108	16.551.582
- Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại HCM	323.608.757	2.721.981.010
Chi tiết tiền gửi ngân hàng tại các đơn vị	4.985.850.619	3.009.096.254
- Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1	1.006.374.569	2.489.124.034
- Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại Đà Nẵng	79.392.530	25.597.185
- Chi nhánh CTCP Thuốc thú y TW 1 tại HCM	3.900.083.520	494.375.035
	<b>5.417.544.975</b>	<b>5.759.777.440</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công cụ, dụng cụ	-	-	1.204.330.902	-
Hàng hóa	3.432.209.975	(37.580.287)	10.037.682.620	-
Hàng gửi bán	620.148.200	(545.702.635)	-	-
	<b>4.052.358.175</b>	<b>(583.282.922)</b>	<b>11.242.013.522</b>	-

(\*) Dự phòng hàng hóa Chi nhánh Đà Nẵng: 11.178.625 đồng, Chi nhánh Hồ Chí Minh: 26.401.662 đồng là những hàng hóa tại thời điểm kiểm toán đã hết hạn sử dụng. Dự phòng hàng gửi bán: 545.702.635 đồng là Hàng hóa do hàng Ông Lê Xuân Hà – Phó Giám đốc Chi nhánh Đà Nẵng mang hàng đi bán nhưng chưa xuất hóa đơn.

**6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	12.939.431	781.028.653
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	12.939.431	781.028.653
Dài hạn	808.607.794	323.084.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	808.607.794	323.084.000
	<b>821.547.225</b>	<b>1.104.112.653</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1**  
Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	56.863.832.555	(3.132.981.708)	62.196.258.964	-
<i>Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1</i>	<i>51.866.202.237</i>	<i>(1.414.096.804)</i>	<i>56.616.183.013</i>	-
- Công ty TNHH Thuốc thú y trung ương 1	49.154.034.402	-	46.888.352.902	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam	682.500.000	-	6.738.661.125	-
- Công ty Cổ phần Chăn nuôi C.P Việt Nam-Chi nhánh Xuân Mai	300.300.000	-	204.750.000	-
- Công ty CP Giống Vật nuôi & Cây trồng Đồng Giao	112.893.093	-	66.150.000	-
- Các đối tượng khác	1.616.474.742	(1.414.096.804)	2.718.268.986	-
<i>Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương 1 tại Đà Nẵng</i>	<i>1.758.945.063</i>	<i>(966.672.120)</i>	<i>2.190.841.327</i>	-
- Công ty Cổ phần Thú y và Thủy sản Phúc Anh Thy	11.582.785	-	186.410.327	-
- Đại lý thuốc thú y Tuấn Hạnh	367.040.687	-	363.360.125	-
- Đại lý thuốc thú y Khương Hòa	285.869.608	(106.312.505)	276.371.637	-
- Các đối tượng khác	1.106.034.768	(860.359.615)	1.364.699.238	-
<i>Chi nhánh CTCP Thuốc thú y trung ương 1 tại Hồ Chí Minh</i>	<i>3.238.685.255</i>	<i>(752.212.784)</i>	<i>3.385.675.272</i>	-
- Chi Cục Chăn nuôi và Thú Y Tỉnh Bến Tre	668.770.500	-	178.500.000	-
- Chi cục thú y Thành phố Cần Thơ	250.000.000	-	476.617.500	-
- Các đối tượng khác	2.319.914.755	(752.212.784)	2.730.557.772	-
<i>Điều chỉnh khác</i>	-	-	<i>3.559.352</i>	-
	<b>56.863.832.555</b>	<b>(3.132.981.708)</b>	<b>62.196.258.964</b>	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	49.154.034.402	-	46.888.352.902	-
- Công ty TNHH Thuốc thú y trung ương 1	49.154.034.402	-	46.888.352.902	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1**  
Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	21.714.822.882	(3.859.246.506)	45.028.519.325	-
Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1	20.324.765.401	(3.275.503.413)	39.766.651.369	-
- Công ty TNHH Thuốc thú y trung ương 1	16.613.884.361	-	28.837.384.160	-
- Tạm ứng cho nhân viên	301.042.546	(93.616.148)	7.547.577.016	-
- Ký cược, ký quỹ	71.360.000	-	2.540.000.000	-
- Ông Lê Đức Liên	139.317.396	-	764.890.498	-
- Phải thu các đối tượng khác	3.199.161.098	(3.181.887.265)	76.799.695	-
<b>Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương 1 tại HCM</b>	<b>1.251.711.306</b>	<b>(497.581.000)</b>	<b>3.279.275.119</b>	-
- Tạm ứng cho nhân viên	470.147.824	-	2.104.531.483	-
- Ký cược, ký quỹ	264.600.000	-	-	-
- Các đối tượng khác	516.963.482	(497.581.000)	1.174.743.636	-
+ Ông Lê Đức Hùng	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	-
+ Các đối tượng khác	44.963.482	(25.581.000)	702.743.636	-
<b>Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương 1 tại Đà Nẵng</b>	<b>138.346.175</b>	<b>(86.162.093)</b>	<b>1.982.592.837</b>	-
- Tạm ứng cho nhân viên	124.050.069	(86.162.093)	1.964.795.123	-
- Các đối tượng khác	14.296.106	-	17.797.714	-
Dài hạn	120.000.000	-	-	-
<b>Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương 1 tại HCM</b>	<b>120.000.000</b>	-	-	-
- Ký cược, ký quỹ	120.000.000	-	-	-
	<b>21.834.822.882</b>	<b>(3.859.246.506)</b>	<b>45.028.519.325</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1**

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2017	7.655.679.500	4.518.152.524	6.532.838.377	905.247.085	19.611.917.486
- Mua trong năm	-	159.220.000	-	-	159.220.000
- Sửa chữa, cải tạo	3.115.168.518	-	-	-	3.115.168.518
- Thanh lý, nhượng bán	(252.600.157)	-	(687.020.171)	-	(939.620.328)
- Giảm khác	(1.655.538.560)	-	(14.770.000)	-	(1.670.308.560)
31/12/2017	<b>8.862.709.301</b>	<b>4.677.372.524</b>	<b>5.831.048.206</b>	<b>905.247.085</b>	<b>20.276.377.116</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2017	(3.340.754.703)	(3.832.707.056)	(4.516.431.044)	(410.494.138)	(12.100.386.941)
- Khấu hao trong năm	(268.217.056)	(100.671.680)	(716.926.760)	(158.205.129)	(1.244.020.625)
- Tăng khác	(240.916.647)	(96.195.436)	-	-	(337.112.083)
- Thanh lý, nhượng bán	18.201.377	-	687.020.171	-	705.221.548
- Giảm khác	1.020.851.237	240.916.647	14.770.000	-	1.276.537.884
31/12/2017	<b>(2.810.835.792)</b>	<b>(3.788.657.525)</b>	<b>(4.531.567.633)</b>	<b>(568.699.267)</b>	<b>(11.699.760.217)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2017	4.314.924.797	685.445.468	2.016.407.333	494.752.947	7.511.530.545
31/12/2017	<b>6.051.873.509</b>	<b>888.714.999</b>	<b>1.299.480.573</b>	<b>336.547.818</b>	<b>8.576.616.899</b>

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.735.041.715 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1**

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017**10. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>				
Công ty TNHH Thú y trung ương 1	49.977.375.613	49.977.375.613	49.977.375.613	-
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	3.786.340.000	1.809.802.015	3.786.340.000	-
Công ty Cổ phần Giống gia cầm Luong Mỹ	866.640.000	122.300.860	866.640.000	-
Công ty TNHH Kyoto Bken Hà Nội	2.919.700.000	1.687.501.155	2.919.700.000	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1**  
Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Ngân hạn	60.196.212.174	-	81.994.765.619	81.994.765.619
<i>Công ty Cổ phần Thuốc thú y trung ương 1</i>	51.407.609.353	-	74.261.133.446	74.261.133.446
- Guangdong Wens Dahuanong Biotechnology Co.,LTD	19.523.362.960	-	42.693.705.100	42.693.705.100
- Zhaoqing Dahuanong Biology Medicine Co, LTD	19.882.751.474	-	20.385.534.224	20.385.534.224
- Công ty Cổ Phần Thành Nhơn	2.179.827.064	-	479.873.132	479.873.132
- Công ty CP sản xuất & TM Thái Sơn	2.154.287.641	-	4.552.070.729	4.552.070.729
- Công ty hữu hạn thiết kế công trình Nam Ninh - CNN TQ	1.775.873.364	-	1.781.731.755	1.781.731.755
- DNTN xí nghiệp Quốc Anh	745.887.800	-	622.321.610	622.321.610
- Công ty TNHH Đầu tư phát triển Hải Đăng	615.951.336	-	-	-
- Công ty TNHH Đầu tư Hải Kim Long	525.635.015	-	332.726.250	332.726.250
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Công Nghiệp	456.395.395	-	456.395.395	456.395.395
- Các đối tượng khác	3.547.637.304	-	2.956.775.251	2.956.775.251
<i>Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương 1 tại HCM</i>	2.532.490.543	-	2.236.561.844	2.236.561.844
- Công ty TNHH thuốc thú y TW 1	2.499.323.543	-	2.232.361.843	2.232.361.843
- Các đối tượng khác	33.167.000	-	4.200.001	4.200.001
<i>Chi nhánh Công ty CP Thuốc thú y trung ương 1 tại Đà Nẵng</i>	6.256.112.278	-	5.497.070.329	5.497.070.329
- Công ty TNHH thuốc thú y TW 1	6.256.112.278	-	5.497.070.329	5.497.070.329
Dài hạn	-	-	-	-
	<b>60.196.212.174</b>	<b>-</b>	<b>81.994.765.619</b>	<b>81.994.765.619</b>
Phải trả người bán là các bên liên quan	8.755.435.821	-	7.729.432.172	7.729.432.172
- Công ty TNHH thuốc thú y TW 1	8.755.435.821	-	7.729.432.172	7.729.432.172

(\*) Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang không có khả năng trả các khoản nợ đến hạn.



**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1**

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	31/12/2017 VND
<b>Thuế và các khoản phải thu/phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	224.722.145	10.253.206.201	10.144.303.657	333.624.689
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(66.370.122)	1.155.392.438	1.023.291.396	65.730.920
- Thuế thu nhập cá nhân	1.546.655.681	2.357.254.830	494.852.975	3.409.057.536
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	429.253.242	429.253.242	-
- Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
- Các loại thuế khác	-	38.075.869	38.075.869	-
	<b>1.705.007.704</b>	<b>14.236.182.580</b>	<b>12.132.777.139</b>	<b>3.808.413.145</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp tại Văn phòng Công ty đã được quyết toán đến hết năm tài chính 2014, tại Chi nhánh Hồ Chí Minh quyết toán đến hết năm tài chính 2014, tại Chi nhánh Đà Nẵng chưa quyết toán từ khi thành lập. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho các năm tài chính chưa quyết toán thuế tính đến năm 2017 được xác định tùy thuộc vào cơ quan thuế quyết toán nên kết quả lỗ phát sinh thêm vẫn còn tiềm ẩn rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG 1**

Số 88, đường Trường Chinh, phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**13. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2017		Trong năm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>	<b>35.510.551.010</b>	-	<b>85.891.475.344</b>	<b>90.186.116.340</b>	<b>39.805.192.006</b>	<b>39.805.192.006</b>
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>35.510.551.010</i>	-	<i>85.891.475.344</i>	<i>90.186.116.340</i>	<i>39.805.192.006</i>	<i>39.805.192.006</i>
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam-Chi nhánh Hà Nội (1)	34.790.551.010	-	79.371.475.344	84.386.116.340	39.805.192.006	39.805.192.006
- Vay các cá nhân (2)	720.000.000	-	6.520.000.000	5.800.000.000	-	-
<b>Vay dài hạn</b>	<b>114.080.585.100</b>	-	<b>62.736.863.750</b>	<b>36.607.330.700</b>	<b>87.951.052.050</b>	<b>87.951.052.050</b>
- Vay các cá nhân (2)	114.080.585.100	-	62.736.863.750	36.607.330.700	87.951.052.050	87.951.052.050
	<b>149.591.136.110</b>	-	<b>148.628.339.094</b>	<b>126.793.447.040</b>	<b>127.756.244.056</b>	<b>127.756.244.056</b>

(\*) Tại thời điểm 31/12/2017, Công ty đang không có khả năng trả các khoản vay đến hạn.

(1) Khoản vay ngắn hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam-Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng 1500LAV201605603 ngày 24/04/2016, Hợp đồng tín dụng 1500LAV201702109 ngày 27/04/2017, Hợp đồng tín dụng 1500LAV201607159 ngày 27/12/2016, Hợp đồng tín dụng 1500LAV201702109 ngày 22/11/2017 với các điều khoản:

Hạn mức tín dụng: Quy định theo từng hợp đồng tín dụng;

Mục đích vay: Nhập khẩu vắc xin, mua nguyên liệu sản xuất thuốc thú y;

Lãi suất: 7,5%/năm;

Các sản phẩm bảo: Quyền khai thác tài sản theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 985734, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 344 do sở TNMT Hà nội cấp ngày 17/06/2011 tại địa chỉ 88 Trường Chinh, Đống Đa, Hà Nội; Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất tại địa chỉ: Tô 4 - Giáp Nhất, Phường Nhân Chính, Thanh Xuân, Hà Nội; Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại địa chỉ: Căn hộ 705, Tòa nhà G03 - Khu Đô thị Nam Thăng Long, Tây Hồ, Hà Nội; Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 980007, AG 980248, AL237251, AK 280034 do Thành phố Đà Nẵng Cấp.

(2) Vay các cá nhân với lãi suất vay là 12%/năm, không có tài sản đảm bảo, hồ sơ vay chỉ có hợp đồng có chữ ký của Giám đốc Công ty ký.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

**13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	31/12/2017
	VND
Vay cá nhân quá hạn chưa thanh toán	92.637.890.100
	<u>92.637.890.100</u>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	2.607.487.558	6.365.747.950
- Chi phí lãi vay	944.281.058	6.365.747.950
- Chi phí trích trước	1.663.206.500	-
Dài hạn	-	-
	<u>2.607.487.558</u>	<u>6.365.747.950</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.048.875.768</b>	<b>4.662.871.017</b>
- Kinh phí công đoàn	65.822.315	28.328.315
- Bảo hiểm xã hội	463.538.108	1.704.001.767
- Bảo hiểm y tế	97.418.749	30.013.704
- Bảo hiểm thất nghiệp	16.861.432	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.405.235.164	2.900.527.231
<i>Tại Văn phòng Công ty</i>	<i>2.153.072.599</i>	<i>2.312.058.346</i>
<i>Dư Có TK338</i>	<i>1.762.860.599</i>	<i>1.251.546.791</i>
+ <i>Chênh lệch thuế</i>	<i>1.079.664.913</i>	<i>1.079.664.913</i>
+ <i>Chênh lệch kiểm kê</i>	-	<i>171.881.878</i>
+ <i>Các đối tượng khác</i>	<i>683.195.686</i>	-
<i>Dư Có TK138</i>	<i>390.212.000</i>	<i>1.060.511.555</i>
+ <i>Tiền khấu trừ thuế TNCN của khách lẻ</i>	<i>390.212.000</i>	<i>401.412.000</i>
+ <i>Công ty CP Thuốc thú y TW NAVETCO</i>	-	<i>27.551.475</i>
+ <i>Đặt cọc thuê ki ốt 88 Trường Chinh</i>	-	<i>123.000.000</i>
+ <i>Thu tiền bán cổ phần</i>	-	<i>501.020.000</i>
+ <i>Vốn Nhà nước chờ xử lý</i>	-	<i>7.528.080</i>
<i>Tại Chi nhánh Đà Nẵng</i>	<i>112.296.933</i>	<i>132.030.000</i>
+ <i>Chi cục chăn nuôi và thú y Quảng Nam</i>	<i>81.000.000</i>	<i>81.000.000</i>
+ <i>Chi cục chăn nuôi và thú y Đà Nẵng</i>	<i>31.296.933</i>	<i>51.030.000</i>
<i>Tại Chi nhánh TP Hồ Chí Minh</i>	<i>3.139.865.632</i>	<i>456.438.885</i>
+ <i>Chi cục thú y TP. Hồ Chí Minh</i>	-	<i>260.000.000</i>
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	<i>3.139.865.632</i>	<i>196.438.885</i>
<b>Dài hạn</b>	-	-
	<b>6.048.875.768</b>	<b>4.662.871.017</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND					
<b>01/01/2016</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>1.174.948.882</b>	<b>(340.574.046)</b>	<b>83.613.207.588</b>	
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	(24.708.345.874)	(24.708.345.874)	
- Giảm khác (*)	-	-	-	(797.993.543)	(91.168.799.039)	(91.966.792.582)	
<b>31/12/2016</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>376.955.339</b>	<b>(116.217.718.959)</b>	<b>(33.061.930.868)</b>	
<b>01/01/2017</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>376.955.339</b>	<b>(116.217.718.959)</b>	<b>(33.061.930.868)</b>	
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	(42.655.073.525)	(42.655.073.525)	
- Giảm khác	-	-	-	-	(7.400.937.855)	(7.400.937.855)	
<b>31/12/2017</b>	<b>82.500.000.000</b>	<b>278.962.752</b>	<b>(130.000)</b>	<b>376.955.339</b>	<b>(166.273.730.338)</b>	<b>(83.117.942.247)</b>	

(\*) Giảm khác do điều chỉnh hồi tố các chi phí từ những năm trước chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh.

(\*\*) Khoản lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 166.273.730.338 đồng đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 83.117.942.247 đồng, và theo đánh giá của Ban lãnh đạo Công ty tại thuyết minh số 13 Công ty đang mất khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính của Công ty trình bày theo giả định hoạt động liên tục.

(\*\*\*) Trong giai đoạn từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/10/2017 khoản lỗ của hai chi nhánh Hồ Chí Minh và Đà Nẵng lần lượt là 14.300.565.047 đồng và 4.193.724.409 đồng, và tại thuyết minh số 22 trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 toàn bộ Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh của Chi nhánh Đà Nẵng là 597.814.546 đồng và Chi nhánh Hồ Chí Minh là 2.230.332.243 đồng chưa có phê duyệt của Chủ tịch HĐQT theo chỉ thị số 105-2017/NQ-HĐQT ban hành ngày 17/11/2017, toàn bộ chứng từ kế toán trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 chưa có chữ ký của Kế toán trưởng và Giám đốc của hai chi nhánh. Trong các giai đoạn này có sự bàn giao giữa Ban lãnh đạo các Chi nhánh, Ban lãnh đạo cũ không báo cáo cho Ban lãnh đạo mới về các chi phí phát sinh dẫn đến các khoản lỗ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**16.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2017	
	VND	Tỷ lệ sở hữu
Bà Nguyễn Thị Hương	5.050.000.000	6,12%
Bà Bùi Thị Giang	4.048.500.000	4,91%
Ông Phạm Cao Bằng	4.046.010.000	4,90%
Bà Nguyễn Thị Hoạt	4.043.090.000	4,90%
Bà Văn Thị Xuân	4.042.500.000	4,90%
Ông Nguyễn Văn Châu	4.042.500.000	4,90%
Ông Nguyễn Việt Trung	4.042.500.000	4,90%
Ông Nguyễn Việt Kỳ	4.042.500.000	4,90%
Ông Lê Văn Năm	3.947.500.000	4,78%
Ông Lê Anh Tuấn	3.554.990.000	4,31%
Các cổ đông khác	41.639.780.000	50,47%
Cổ phiếu quỹ	130.000	0,00%
	<b>82.500.000.000</b>	<b>100%</b>

**16.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	82.500.000.000	82.500.000.000
+ Vốn góp đầu kỳ	82.500.000.000	82.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	82.500.000.000	82.500.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**16.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2017	01/01/2017
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.250.000	8.250.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu phổ thông	8.250.000	8.250.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

16.5 CÁC QUỸ

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	376.955.339	376.955.339

17. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu cung cấp hàng hóa	131.675.546.116	193.812.608.003
- Doanh thu bán hàng	131.675.546.116	193.812.608.003
	<u>131.675.546.116</u>	<u>193.812.608.003</u>

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	316.459.586	235.499.520
Trong đó:		
Chiết khấu thương mại	64.284.242	119.413.966
Hàng bán bị trả lại	252.175.344	116.085.554

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
- Giá vốn cung cấp hàng hóa	101.584.668.952	172.689.074.259
	<u>101.584.668.952</u>	<u>172.689.074.259</u>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	41.282.015	5.309.482
Lãi chênh lệch tỷ giá	252.861.748	490.117.071
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.015.876.398	3.609.632.588
	<u>1.310.020.161</u>	<u>4.105.059.141</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí lãi vay	19.306.141.313	3.809.206.576
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	40.682.538	3.482.446.458
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.976.537.985	-
	<b>21.323.361.836</b>	<b>7.291.653.034</b>

**22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	22.318.984.273	20.890.939.383
- Chi phí nhân viên quản lý	5.260.757.813	2.044.814.930
- Chi phí đồ dùng văn phòng	769.931.686	6.221.528.253
- Chi phí khấu hao TSCĐ	940.782.257	18.410.813
- Thuế, phí và lệ phí	579.056.935	893.322.937
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.959.298.039	6.300.375.852
- Chi phí dự phòng nợ khó đòi	6.992.228.214	802.089.928
- Chi phí bằng tiền khác	5.816.929.329	4.610.396.670
Các khoản chi phí bán hàng	30.434.799.571	20.521.886.173
- Chi phí nhân viên	1.781.257.950	1.995.561.719
- Chi phí nguyên vật liệu	30.000.000	-
- Chi phí khấu hao TSCĐ	711.661.200	691.237.855
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.663.405.252	15.225.033.918
- Chi phí bán hàng khác	11.248.475.169	2.610.052.681
	<b>52.753.783.844</b>	<b>41.412.825.556</b>

(\*) Toàn bộ Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 của Chi nhánh Công ty cổ phần Thuốc Thú Y TWI tại Đà Nẵng số tiền: 597.814.546 đồng và Chi nhánh Công ty cổ phần Thuốc Thú Y TWI tại TP Hồ Chí Minh số tiền: 2.230.332.243 đồng chưa có phê duyệt của Chủ tịch HĐQT theo chỉ thị số 105-2017/NQ-HĐQT ban hành ngày 17/11/2017. Toàn bộ chứng từ kế toán trong giai đoạn từ ngày 17/11/2017 đến ngày 31/12/2017 chưa có chữ ký của Kế toán trưởng và Giám đốc của hai chi nhánh hoàn toàn chịu trách nhiệm về những chứng từ phát sinh trong giai đoạn này.

**23. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Thu thanh lý tài sản cố định	5.415.087.125	-
- Các khoản thu nhập khác	657.937.904	-
	<b>6.073.025.029</b>	<b>-</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**24. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
- Chi phí khác	4.579.998.174	996.960.649
	<b>4.579.998.174</b>	<b>996.960.649</b>

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**QUẢN LÝ RỦI RO VỐN**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ. Tuy nhiên lỗ sau thuế chưa phân phối lũy kế của Công ty đến ngày 31/12/2017 là 166.273.730.338 đồng, đã vượt Vốn chủ sở hữu số tiền 83.117.942.247 đồng, điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về hoạt động liên tục của Công ty.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ phải trả (bao gồm các khoản vay, nợ như đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.10 - Công cụ tài chính.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.417.544.975	5.759.777.440
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.544.097.602	94.825.186.455
Đầu tư dài hạn	51.787.177.628	53.763.715.613
	<b>134.748.820.205</b>	<b>154.348.679.508</b>
	<b>31/12/2017 VND</b>	<b>01/01/2017 VND</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	149.591.136.110	127.756.244.056
Phải trả người bán và phải trả khác	64.131.570.425	83.242.334.059
Chi phí phải trả	2.607.487.558	6.365.747.950
	<b>216.330.194.093</b>	<b>217.364.326.065</b>
<b>Trạng thái ròng</b>	<b>(81.581.373.888)</b>	<b>(63.015.646.557)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Vay và nợ	35.510.551.010	114.080.585.100	149.591.136.110
Phải trả người bán và phải trả khác	64.131.570.425	-	64.131.570.425
Chi phí phải trả	2.607.487.558	-	2.607.487.558
	<b>102.249.608.993</b>	<b>114.080.585.100</b>	<b>216.330.194.093</b>
<b>01/01/2017</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	39.805.192.006	87.951.052.050	127.756.244.056
Phải trả người bán và phải trả khác	83.242.334.059	-	83.242.334.059
Chi phí phải trả	6.365.747.950	-	6.365.747.950
	<b>129.413.274.015</b>	<b>87.951.052.050</b>	<b>217.364.326.065</b>

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Số liệu được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm gốc và lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
<b>31/12/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.417.544.975	-	5.417.544.975
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.424.097.602	120.000.000	77.544.097.602
Đầu tư dài hạn	-	51.787.177.628	51.787.177.628
	<b>82.841.642.577</b>	<b>51.907.177.628</b>	<b>134.748.820.205</b>
<b>01/01/2017</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.759.777.440	-	5.759.777.440
Phải thu khách hàng và phải thu khác	94.705.186.455	120.000.000	94.825.186.455
	<b>100.464.963.895</b>	<b>53.883.715.613</b>	<b>154.348.679.508</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

**26. THÔNG TIN KHÁC**

**26.1 SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán. Trong năm 2017, Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số khoản chi phí đã phát sinh những năm trước nhưng chưa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh, số liệu điều chỉnh lại như sau:

**CÁC CHỈ TIÊU TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

01/01/2017

Chỉ tiêu	Sau điều chỉnh	Trước điều chỉnh	Số điều chỉnh
			Tăng(+)/ Giảm(-)
<b>TÀI SẢN</b>	<b>195.232.432.500</b>	<b>287.002.891.638</b>	<b>(91.770.459.138)</b>
Phải thu ngắn hạn khác (1)	45.010.721.611	55.932.554.237	(10.921.832.626)
Chi phí đầu tư XDCB dở dang (2)	-	58.065.397.885	(58.065.397.885)
Chi phí trả trước dài hạn (3)	323.084.000	23.106.312.627	(22.783.228.627)
<b>NGUỒN VỐN</b>	<b>195.232.432.500</b>	<b>287.002.891.638</b>	<b>(91.770.459.138)</b>
Phải trả ngắn hạn khác (4)	4.662.871.017	5.937.620.562	(1.274.749.545)
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (5)	534.599	(672.554.847)	673.089.446
Lợi nhuận chưa phân phối	(116.217.718.959)	(25.048.919.920)	(91.168.799.039)

(1) Tại Văn phòng: Điều chỉnh Phần tạm ứng cổ tức các năm trước nhưng không thu được 10.921.832.626 đồng;

(2) Tại Văn phòng: Điều chỉnh chi phí lãi vay các năm trước đang chưa hạch toán vào kết quả kinh doanh: 57.424.064.249 đồng;  
Tại Chi nhánh Đà Nẵng: Chi phí phục vụ dự án nhưng không triển khai nữa: 641.333.636 đồng;

(3) Điều chỉnh các khoản chi phí hoạt động những năm trước chưa hạch toán vào kết quả kinh doanh: Tại Văn phòng: 13.374.504.495 đồng, tại Chi nhánh Đà Nẵng: 5.078.691.315 đồng, tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh: 4.330.032.817 đồng;

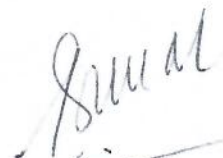
(4) Tại Văn phòng: Cổ tức phải trả các năm trước nhưng không phải trả.

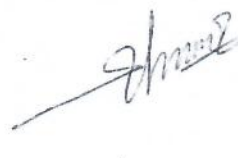
(5) Tại Văn phòng: Điều chỉnh lại quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền âm: 630.031.149 đồng;  
Tại Chi nhánh Hồ Chí Minh: Điều chỉnh lại quỹ khen thưởng phúc lợi số tiền âm: 43.058.297 đồng.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2018

  
Nguyễn Thị Phượng

  
Nguyễn Thị Thu Hà



Lê Đức Liên